

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Lý thuyết tổng hợp
 - Mã học phần: HYD-TN
 - Số tín chỉ (*lý thuyết/thực hành*): 10 (10/0)
 - Thời gian đào tạo: Học kỳ II năm thứ 5
 - Ngành đào tạo: Dược sĩ
 - Bậc đào tạo: Đại học
 - Yêu cầu của học phần: bắt buộc
 - Điều kiện tiên quyết: sinh viên đã học các học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính qui ngành dược.
 - Bộ phận phụ trách học phần: Phòng Quản lý đào tạo
- Điện thoại: 0968 204466 Email: quanlydaotao@gmail.com

2. Tóm tắt nội dung học phần

- Đại cương về bệnh (liên quan đến nhóm thuốc), nguyên tắc và phác đồ điều trị.
- Các thuốc có nguồn gốc hóa dược: đại cương về nhóm thuốc: tên, nguồn gốc, tính chất, dược lý, kiểm nghiệm, bào chế, pháp chế dược các thuốc cụ thể.
- Các thuốc có nguồn gốc dược liệu: tên, phân bố, bộ phận dùng, thành phần hóa học, kiểm nghiệm, chế biến, công dụng, cách dùng, liều dùng, bảo quản.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Trình bày được kiến thức về nội dung sau:

- Với các nhóm thuốc: Đại cương về bệnh, nguyên tắc và phác đồ điều trị, đại cương về nhóm thuốc
- Với thuốc có nguồn gốc hóa dược: tên, nguồn gốc, tính chất, dược lý, kiểm nghiệm, bào chế, pháp chế dược.
- Với thuốc có nguồn gốc dược liệu: tên, nguồn gốc, phân bố, bộ phận dùng, thành phần hóa học, kiểm nghiệm, phương pháp chế biến, công dụng, cách dùng, liều dùng và bảo quản.

3.2. Kỹ năng

- Tư vấn sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả

3.3. Thái độ

- Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức trong thực hành nghề nghiệp.



4. Nội dung chi tiết học phần

4.1. Đại cương về bệnh (liên quan đến nhóm thuốc), nguyên tắc và phác đồ điều trị

4.2. Đại cương về nhóm thuốc

- Đặc điểm về cấu trúc chung của nhóm.
- Phân loại
- Tác dụng, cơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng chung của cả nhóm (nếu có).
- Tác dụng không mong muốn.
- Chỉ định điều trị.

4.3. Các thuốc cụ thể

4.3.1. Thuốc có nguồn gốc hóa dược

- Tên quốc tế, tên khác (nếu có).
- Nguồn gốc
- Liên quan giữa cấu trúc hóa học với tác dụng dược lý (nếu có).
- Tính chất lý hóa
- Phương pháp kiểm nghiệm dược chất.
- Tác dụng và cơ chế tác dụng.
- Dược động học (nếu có)
- Chỉ định điều trị
- Tác dụng không mong muốn
- Chống chỉ định
- Tương tác thuốc
- Dạng bào chế và biệt dược thường gặp: phân tích vai trò các thành phần trong công thức dạng bào chế, quy trình bào chế và kê tên các biệt dược.
- Các quy chế liên quan: quy định ghi nhãn thuốc, quy chế kê đơn, bảo quản, kinh doanh, sử dụng thuốc.

STT	Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể
1	Thuốc điều trị lao	Isoniazid (INH)
2	Thuốc giảm đau hạ sốt	Aspirin (Acid acetyl salicylic) Paracetamol (Acetaminophen)
3	Thuốc giảm đau gây nghiện	Morphin
4	Thuốc lợi tiểu	Furosemid
5	Thuốc điều trị tăng huyết áp	Captopril Nifedipin
6	Thuốc chống viêm không steroid	Diclofenac
7	Thuốc kháng histamine(chẹn thụ thể H1)	Clopheniramin
8	Thuốc an thần, gây ngủ	Phenobarbital
9	Thuốc chống nấm	Amphotericin B
10	Thuốc phòng và điều trị sốt rét	Quinin Artemisinin và dẫn chất

STT	Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể
11	Thuốc chữa giun sán	Albendazol
12	Các vitamin	Vitamin B1 (Thiamin) Vitamin B6 (Pyridoxin) Vitamin C (Acid ascorbic) Vitamin A (Retinol) Vitamin D (Calciferol) Vitamin E (Tocoferol)
13	Penicillin và các kháng sinh bán tổng hợp nhóm betalactam	Benzyl penicilin (Penicilin G) Phenoxymethyl penicilin (Penicilin V) Amoxicilin Cephalexin Cefuroxim
14	Kháng sinh nhóm aminosid	Streptomycin Gentamicin
15	Kháng sinh nhóm macrolid	Erythromycin Spiramycin
16	Các chất kháng khuẩn nhóm quinolon	Ciprofloxacin
17	Thuốc chống viêm nhóm steroid	Hydrocortison (cortisol) Prednisolon Dexamethason
18	Thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng	Cimetidin Omeprazol
19	Thuốc điều trị ho - hen	Codein
20	Thuốc điều trị bệnh đái tháo đường	Metformin Glibenclamid

4.3.2. Thuốc có nguồn gốc dược liệu

- Tên cây thuốc (tên, họ Việt Nam; tên, họ Latin).
- Phân bố
- Bộ phận dùng.
- Kể tên các thành phần hóa học chính.
- Phương pháp kiểm nghiệm
- Phương pháp chế biến và bảo quản.
- Công dụng, cách dùng và liều dùng.

STT	Dược liệu	STT	Dược liệu
1	Actiso	19	Hồng hoa
2	Bạch chỉ	20	Sài đất
3	Bạc hà	21	Thanh cao hoa vàng
4	Cam thảo bắc	22	Vàng đắng
5	Cà độc dược	23	Đại hồi

STT	Dược liệu	STT	Dược liệu
6	Cây mã đề	24	Gừng
7	Cây thuốc phiện	25	Hà thủ ô đỏ
8	Củ bình vôi	26	Hương nhu trắng
9	Canhkina	27	Lô hội
10	Dừa cạn	28	Mức hoa trắng
11	Hòe	29	Nhân sâm
12	Hoàng liên	30	Ô đầu
13	Hoàng bá	31	Rau má
14	Kim ngân	32	Trúc đào
15	Lạc tiên	33	Trâm
16	Mã tiền	34	Sả chanh
17	Ma hoàng	35	Sắn dây
18	Ngưu tất		

(38 thuốc có nguồn gốc hóa dược và 35 thuốc có nguồn gốc dược liệu)

5. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

5.1. Giáo trình

- Bộ môn bào chế (Đại học Dược Hà Nội), *Kỹ thuật bào chế và sinh khả dụng - tập 1*, Nhà xuất bản Y học năm 2006
- Bộ môn bào chế (Đại học Dược Hà Nội), *Kỹ thuật bào chế và sinh khả dụng - tập 2*, Nhà xuất bản Y học năm 2006
- Bộ môn Quản lý và kinh tế dược (Đại học Dược Hà Nội) (2009), *Pháp chế dược*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2005), *Kiểm nghiệm dược phẩm*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Bộ Y tế (2007), *Dược lý học tập 1*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2007), *Dược lý học tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2010), *Hóa dược 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2010), *Hóa dược 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Phạm Thanh Kỳ (2008), *Bài giảng Dược liệu tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.
- Ngô Văn Thu, Trần Hùng (2011), *Bài giảng Dược liệu tập 1*, NXB Y học, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2002), *Dược thư quốc gia Việt Nam*, xuất bản lần thứ nhất, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2010), *Dược điển Việt Nam IV*, NXB Y học, Hà Nội.
- Hoàng Minh Châu (2008), *Công nghệ bào chế dược phẩm*. Trường Đại học Y Dược Tp Hồ Chí Minh
- Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Viết Hùng (2007), *Quản lý và kinh tế dược*, NXB Y học, Hà Nội.
- Trần Đức Hậu (2003), *Hóa dược tập 1*, NXB Y học, Hà Nội.
- Trần Đức Hậu (2004), *Hóa dược tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.
- Từ Minh Koong (2009), *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm - Tập 2*. Trường Đại học Dược Hà Nội
- Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
- Mai Phương Mai (2008), *Dược lý học tập 1*, NXB Y học, Hà Nội.

10. Trương Phương (2009), *Hóa dược tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
 11. Lê Minh Trí (2009), *Hóa dược 1*, Bộ Y tế, NXB Giáo dục.
 12. Trường Đại học Y Hà Nội, (2008), *Dược lý học*, NXB Y học, Hà Nội.
 13. Bộ môn Quản lý và kinh tế dược (Đại học Dược Hà Nội) (2010), *Kinh tế dược*. NXB Y học, Hà Nội.
 14. Bộ Y tế - Vụ Khoa học và Đào tạo (2006), *Dược học cổ truyền*, NXB Y học, Hà Nội.
 15. Đại học Y Hà Nội (2008), *Dược động học*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- 6. Hình thức tổ chức dạy – học**
 Hình thức: sinh viên tự học, thảo luận dưới hình thức giải đáp thắc mắc.
- 7. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**
- Cách thức đánh giá: thi tự luận
 - Điểm đạt: theo qui chế tín chỉ

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2018

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG PHÓ TP CHUYÊN TRÁCH



Tâm

Trần Thị Minh Tâm

Nguyễn Tiến Chung

Nguyễn Tiến Chung